

Số: /UBND - NV
V/v kết quả đánh giá chất lượng
phục vụ người dân, doanh nghiệp
trong giải quyết thủ tục hành
chính, cung cấp dịch vụ công trên
cổng DVCQG tháng 7 năm 2024

Định Hóa, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. UBND huyện thông báo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử huyện Định Hóa tháng 7 năm 2024, như sau:

1. Điểm số các trục nội dung Bộ chỉ số trên Cổng DVCQG

1.1. Điểm số trục nội dung Công khai minh bạch đạt **14,3/18 điểm, giảm 1,8 điểm so với tháng 6/2024.**

1.2. Điểm số trục nội dung Tiến độ giải quyết đạt **18,9/20 điểm, tăng 2,5 điểm so với tháng 6/2024.**

1.3. Điểm số trục nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt **7,1/12 điểm, giữ nguyên điểm số so với tháng 6/2024.**

1.4. Điểm số trục nội dung Thanh toán trực tuyến đạt **10/10 điểm, tăng 0,1 điểm so với tháng 6/2024.**

1.5. Điểm số trục nội dung Mức độ hài lòng đạt **18/18 điểm, giữ nguyên điểm số so với tháng 6/2024.**

1.6. Điểm số trục nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt **17,3/22 điểm, tăng 0,2 điểm so với tháng 6/2024.**

1.7. Điểm tổng hợp đạt **85,66/100 điểm, tăng 01 điểm; xếp hạng 8/9 huyện, thành phố và giảm 03 bậc trên bảng xếp hạng so với tháng 6 năm 2024.**

2. Tổng hợp chi tiết số liệu của huyện Định Hóa

(Chi tiết tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> và Phụ lục kèm theo)

3. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND huyện tại Công văn số 25/UBND-VP ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc tăng cường tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; Công văn số 6461/UBND-VP ngày

29/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc thực hiện cải cách TTHC và giải quyết TTHC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4761/UBND-NV ngày 02/8/2024 của UBND huyện về tăng cường thực hiện công tác CCHC trên địa bàn huyện Định Hóa.

- Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng nhiều hồ sơ trực tuyến giải quyết chậm, muộn hoặc không được tiếp nhận, xử lý; 100% hồ sơ thủ tục hành chính để chậm, muộn đều phải có báo cáo giải trình lý do với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và thực hiện xin lỗi người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định.

- Nghiêm túc thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của đơn vị, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện thuận lợi để người dân đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

- 100% đơn vị cấp xã triển khai cung cấp dịch vụ công “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” và nâng cao tỷ lệ chứng thực điện tử hoàn thành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử.

- UBND Các xã, thị trấn có các Chỉ số, số lượng, tỷ lệ giảm được thể hiện chi tiết tại phụ lục số II, III, IV, V, VI, phân tích, đánh giá và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- UBND thị trấn Chợ Chu, UBND xã Quy Kỳ báo cáo giải trình, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và có biện pháp khắc phục hồ sơ quá hạn.

Trên đây là thông báo thống kê số liệu Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của huyện Định Hóa tháng 7 năm 2024 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có giải pháp khắc phục những nội dung giảm điểm; tổ chức thông báo công khai đến các cơ quan, đơn vị, nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tú

PHỤ LỤC I. BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÁNG 7 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 30/6/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 31/7/2024		Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/6/2024
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)	
I	Công khai, minh bạch (điểm)	16,1		14,3		-1,8
1.1	Số TTHC công khai trên Cổng DVC quốc gia/tổng số TTHC	1787/1787	100%	1756/1787	100%	0%
1.2	Số hồ sơ tiếp nhận đã đồng bộ					0%
a)	Hồ sơ đã đồng bộ	4.521	88,61%	4.082	74,84%	-14%
b)	Hồ sơ chưa đồng bộ	581	11,39%	1.372	25,16%	14%
II	Tiến độ giải quyết (điểm)	16,4		18,9		2,5
2.1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn		82,71%		95,55%	12,84%
2.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn <i>(chi tiết tại Phụ lục số II)</i>		17,29%		4,45%	-13%
III	Dịch vụ công trực tuyến (điểm)	7,1		7,1		0
3.1	TTHC cung cấp DVCTT một phần	33	10,82%	33	10,82%	0%

3.2	TTHC cung cấp DVCTT toàn trình	77	25,25%	77	25,25%	0%
3.3	Còn lại	195	63,93%	195	63,93%	0%
3.4	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (<i>Chi tiết tại Phụ lục số III</i>)					
a)	<i>Hồ sơ nộp trực tuyến</i>		82,70%		76,90%	-5,8%
b)	<i>Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác</i>		17,30%		23,11%	5,8%
3.5	Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý					0,0%
a)	<i>Hồ sơ xử lý đúng hạn</i>		95,05%		97,34%	2%
b)	<i>Hồ sơ xử lý quá hạn</i>		4,95%		2,66%	-2%
3.6	Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ		10,50%			-11%
3.7	Số lượng tăng trưởng DVC trực tuyến	976		935		-41
IV	Thanh toán trực tuyến (điểm)	9,9		10		0,1
4.1	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia					0%
a)	<i>Cung cấp trên cổng DVC Quốc gia</i>	65	100%	65	100%	0%
b)	<i>Chưa tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến</i>	0		0		0%
4.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến					0%

a)	<i>Thanh toán trực tuyến</i>	4.630	94,45%	3.606	92,37%	-2%
b)	<i>Thanh toán trực tiếp và hình thức khác</i>	272	5,55%	298	7,63%	2%
4.3	Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến					0%
a)	<i>Thanh toán trực tuyến</i>	110	67,90%	138	74,19%	6%
b)	<i>Thanh toán trực tiếp và hình thức khác</i>	52	32,10%	48	25,81%	-6%
V	Mức độ hài lòng (điểm)	18		18		0
5.1	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị		100%		100%	0%
5.2	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC		100%		100%	0%
5.3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị theo phân loại					
a)	<i>Kiến nghị về những vướng mắc, bất cập về quy định hành chính</i>					
b)	<i>Phản ánh về hành vi của cán bộ, công chức, viên chức</i>					
VI	Số hóa kết quả hồ sơ TTHC (điểm)	17,1		17,3		0,2
6.1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả TTHC được số hóa hồ sơ (<i>Chi tiết Phụ lục số IV</i>)		70,60%		72,48%	2%
6.2	Tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả điện tử (<i>Chi tiết Phụ lục số V</i>)		71,77%		73,61%	2%

6.3	Số lượng tài khoản Cổng DVC quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia Dân cư	944.829		962.580		17.751
6.4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	3.394	95,82%	3.052	92,46%	-3,36%
VI	ĐIỂM TỔNG HỢP VÀ XẾP HẠNG (CHI TIẾT PHỤ LỤC VI)	Đạt 84,65/100 điểm; xếp hạng 5/9 huyện, thành phố.		Đạt 85,66/100 điểm; xếp hạng 8/9 huyện, thành phố.		Tăng 01 điểm, giảm 3 bậc trên bảng xếp hạng

**PHỤ LỤC SỐ II. THÔNG KÊ CHI TIẾT HỒ SƠ QUÁ HẠN CỦA UBND CẤP XÃ,
UBND CẤP HUYỆN THÁNG 7 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Số lượng hồ sơ quá hạn trên Cổng DVCQG			Số lượng hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên		
		Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 30/6/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 31/7/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/6/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 30/6/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 31/7/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/6/2024
1	UBND huyện Định Hóa	<u>32</u>	<u>62</u>	<u>30</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
2	UBND thị trấn Chợ Chu	-	-	<u>0</u>	<u>1</u>	<u>15</u>	<u>14</u>
3	UBND xã Bảo Cường	-	-	<u>0</u>	<u>4</u>	<u>4</u>	<u>0</u>
4	UBND xã Bảo Linh	-	-	<u>0</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
5	UBND xã Bình Thành	<u>1</u>	<u>6</u>	<u>5</u>			<u>0</u>
6	UBND xã Bình Yên	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
7	UBND xã Bộc Nhiêu	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
8	UBND xã Diềm Mặc	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>1</u>	-	-	<u>0</u>
9	UBND xã Định Biên	<u>1</u>	-	<u>-1</u>			<u>0</u>
10	UBND xã Đồng Thịnh	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
11	UBND xã Kim Phụng	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
12	UBND xã Lam Vỹ	-	<u>1</u>	<u>1</u>			<u>0</u>
13	UBND xã Linh Thông	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
14	UBND xã Phú Đình	-	<u>2</u>	<u>2</u>			<u>0</u>
15	UBND xã Phú Tiến	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>			<u>0</u>
16	UBND xã Phúc Chu	-	-	<u>0</u>	<u>3</u>	<u>3</u>	<u>0</u>
17	UBND xã Phượng Tiến	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
18	UBND xã Quy Kỳ	-	-	<u>0</u>	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>1</u>
19	UBND xã Sơn Phú	-	<u>3</u>	<u>3</u>	-	-	<u>0</u>
20	UBND xã Tân Dương	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
21	UBND xã Tân Thịnh	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
22	UBND xã Thanh Định	-	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
23	UBND xã Trung Hội	-	<u>2</u>	<u>2</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
24	UBND xã Trung Lương	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
	TỔNG SỐ	<u>37</u>	<u>81</u>	<u>44</u>	<u>13</u>	<u>28</u>	<u>15</u>

**PHỤ LỤC SỐ III. THỐNG KÊ TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN THÁNG 7
NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 30/6/2024 (%)	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 31/7/2024 (%)	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/6/2024 (%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	69,7%	84,9%	15,2%
2	UBND xã Bảo Cường	84,2%	75,3%	-8,9%
3	UBND xã Bảo Linh	73,3%	70,8%	-2,5%
4	UBND xã Bình Thành	77,2%	94,9%	17,7%
5	UBND xã Bình Yên	74,7%	96,6%	21,9%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	76,9%	67,3%	-9,6%
7	UBND xã Diềm Mắc	46,6%	33,0%	-13,6%
8	UBND xã Định Biên	48,6%	81,4%	32,8%
9	UBND xã Đồng Thịnh	60,7%	48,5%	-12,2%
10	UBND xã Kim Phụng	85,6%	95,4%	9,8%
11	UBND xã Lam Vỹ	85,5%	93,8%	8,3%
12	UBND xã Linh Thông	83,8%	93,8%	10,0%
13	UBND xã Phú Đình	72,4%	54,2%	-18,2%
14	UBND xã Phú Tiến	77,1%	76,0%	-1,1%
15	UBND xã Phúc Chu	81,8%	89,7%	7,9%
16	UBND xã Phượng Tiến	77,7%	69,8%	-7,9%
17	UBND xã Quy Kỳ	84,4%	87,7%	3,3%
18	UBND xã Sơn Phú	83,8%	81,6%	-2,2%
19	UBND xã Tân Dương	63,3%	82,5%	19,2%
20	UBND xã Tân Thịnh	55,3%	72,6%	17,3%
21	UBND xã Thanh Định	76,5%	93,6%	17,1%
22	UBND xã Trung Hội	74,7%	82,3%	7,6%
23	UBND xã Trung Lương	72,9%	89,3%	16,4%

**PHỤ LỤC IV. BIỂU TỔNG HỢP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ BẢN
SAO TỪ BẢN CHÍNH THẮNG 7 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 30/6/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 31/7/2024		Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/6/2024
		Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	
1	UBND thị trấn Chợ Chu	1/1	3198	1/1	3400	202
2	UBND xã Bảo Cường	1/1	2268	1/1	2357	89
3	UBND xã Bảo Linh	1/1	1700	1/1	1794	94
4	UBND xã Bình Thành	1/1	2855	1/1	2984	129
5	UBND xã Bình Yên	1/1	1062	1/1	1191	129
6	UBND xã Bộc Nhiêu	1/1	1443	1/1	1475	32
7	UBND xã Diêm Mặc	1/1	929	1/1	1021	92
8	UBND xã Định Biên	1/1	1499	1/1	1589	90
9	UBND xã Đồng Thịnh	1/1	870	1/1	915	45
10	UBND xã Kim Phụng	1/1	1874	1/1	1983	109
11	UBND xã Lam Vỹ	1/1	2504	1/1	2619	115
12	UBND xã Linh Thông	1/1	2014	1/1	2077	63
13	UBND xã Phú Đình	1/1	3133	1/1	3293	160
14	UBND xã Phú Tiến	1/1	1058	1/1	1102	44
15	UBND xã Phúc Chu	1/1	1122	1/1	1151	29
16	UBND xã Phụng Tiến	1/1	1241	1/1	1300	59
17	UBND xã Quy Kỳ	1/1	1291	1/1	1331	40
18	UBND xã Sơn Phú	1/1	1607	1/1	1733	126
19	UBND xã Tân Dương	1/1	895	1/1	995	100
20	UBND xã Tân Thịnh	1/1	1931	1/1	2048	117
21	UBND xã Thanh Định	1/1	2015	1/1	2220	205
22	UBND xã Trung Hội	1/1	2881	1/1	2996	115
23	UBND xã Trung Lương	1/1	1720	1/1	1786	66
24	Phòng Tư pháp - Định Hóa	0/1	107	0/1	111	4
	TỔNG CỘNG:		41217		43471	2254

**PHỤ LỤC V. TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
TTHC THÁNG 7 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 30/6/2024	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 31/7/2024	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/6/2024(%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	69,70%	83,70%	14,00%
2	UBND xã Bảo Cường	82,20%	83,30%	1,10%
3	UBND xã Bảo Linh	73,30%	75,20%	1,90%
4	UBND xã Bình Thành	77,20%	88,50%	11,30%
5	UBND xã Bình Yên	74,70%	89,20%	14,50%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	76,90%	71,90%	-5,00%
7	UBND xã Diềm Mắc	46,00%	49,20%	3,20%
8	UBND xã Định Biên	48,60%	83,60%	35,00%
9	UBND xã Đồng Thịnh	60,70%	58,50%	-2,20%
10	UBND xã Kim Phụng	85,60%	88,60%	3,00%
11	UBND xã Lam Vỹ	88,50%	88,40%	-0,10%
12	UBND xã Linh Thông	83,80%	88,10%	4,30%
13	UBND xã Phú Đình	72,40%	63,40%	-9,00%
14	UBND xã Phú Tiến	77,10%	76,40%	-0,70%
15	UBND xã Phúc Chu	81,80%	86,50%	4,70%
16	UBND xã Phượng Tiến	77,70%	76,40%	-1,30%
17	UBND xã Quy Kỳ	84,40%	86,40%	2,00%
18	UBND xã Sơn Phú	83,80%	82,40%	-1,40%
19	UBND xã Tân Dương	63,30%	88,00%	24,70%
20	UBND xã Tân Thịnh	55,30%	76,60%	21,30%
21	UBND xã Thanh Định	76,50%	88,10%	11,60%
22	UBND xã Trung Hội	74,70%	83,60%	8,90%
23	UBND xã Trung Lương	72,90%	85,70%	12,80%

**PHỤ LỤC VI. BIỂU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG ĐƠN VỊ XÃ, THỊ TRẤN THÁNG 7
NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /8/2024 của UBND huyện)

XẾP HẠNG	ĐƠN VỊ	TĂNG, GIẢM	GHI CHÚ
1	UBND xã Bình Yên - tỉnh Thái Nguyên	93,98	
		6,82	Tăng 6,82 điểm
2	UBND xã Kim Phụng - tỉnh Thái Nguyên	93,16	
		0,76	Giảm 0,76 điểm
3	UBND xã Phúc Chu - tỉnh Thái Nguyên	92,97	
		5,07	Tăng 5,07 điểm
4	UBND xã Tân Thịnh - tỉnh Thái Nguyên	92,72	
		2,64	Tăng 2,64 điểm
5	UBND xã Tân Dương - tỉnh Thái Nguyên	92,62	
		0,63	Giảm 0,63 điểm
6	UBND xã Sơn Phú - tỉnh Thái Nguyên	91,26	
		1,68	Tăng 1,68 điểm
7	UBND xã Trung Hội - tỉnh Thái Nguyên	90,88	
		1,81	Tăng 6,82 điểm
8	UBND xã Trung Lương - tỉnh Thái Nguyên	90,8	
		16,92	Tăng 16,92 điểm
9	UBND xã Phú Tiến - tỉnh Thái Nguyên	89,57	
		7,49	Tăng 7,49 điểm
10	UBND xã Thanh Định - tỉnh Thái Nguyên	89,49	
		7,94	Tăng 7,94 điểm
11	UBND xã Lam Vỹ - tỉnh Thái Nguyên	89,44	
		4,14	Giảm 4,14 điểm
12	UBND xã Định Biên - tỉnh Thái Nguyên	88,45	
		0,73	Tăng 6,82 điểm
13	UBND xã Quy Kỳ - tỉnh Thái Nguyên	87,6	
		6,42	Giảm 1,18 điểm
14	UBND thị trấn Chợ Chu - tỉnh Thái Nguyên	86,61	
		1,51	Tăng 1,51 điểm
15	UBND xã Phú Đình - tỉnh Thái Nguyên	86,56	
		4,65	Tăng 4,65 điểm
16	UBND xã Bộc Nhiêu - tỉnh Thái Nguyên	86,13	

		1,45	Giảm 1,45 điểm
17	UBND xã Phụng Tiến - tỉnh Thái Nguyên	86	
		1,22	Giảm 1,22 điểm
18	UBND xã Bình Thành - tỉnh Thái Nguyên	85,77	
		2,75	Tăng 2,75 điểm
19	UBND xã Bảo Linh - tỉnh Thái Nguyên	84,02	
		4,98	Giảm 4,98 điểm
20	UBND xã Bảo Cường - tỉnh Thái Nguyên	83,4	
		1,67	Tăng 1,67 điểm
21	UBND xã Linh Thông - tỉnh Thái Nguyên	82,52	
		9,44	Giảm 9,44 điểm
22	UBND xã Diềm Mặc - tỉnh Thái Nguyên	82,46	
		2,17	Giảm 2,17 điểm
23	UBND xã Đồng Thịnh - tỉnh Thái Nguyên	81,3	
		1	Giảm 1,0 điểm